

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc TH

Bản án số: 334/2017/HC-PT

Ngày: 21/11/2017

V/v: *Khiếu kiện quyết định giải quyết
kiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền;

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Hải Thanh;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 87/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2017 giải quyết về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3882/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa:

Người khởi kiện: Ông Ngô T;

Địa chỉ: Số 147B, tổ 3, khối 6, phường TT, thành phố LS; có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Chu V, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân tỉnh S ; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S .

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S : Ông Hoàng Hùng C, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh S (văn bản ủy quyền đề ngày 23/01/2017); có mặt.

2. Ông Ngô Văn H.

Địa chỉ: Khu BK, thị trấn LB, huyện L, tỉnh S ; có mặt.

3. Bà Ngô Thị M.

Địa chỉ: Khu BK, thị trấn LB, huyện L, tỉnh S ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2016, các đơn khởi kiện bổ sung các ngày 18/6/2016; 10/7/2016; 10/8/2016; 10/9/2016; 30/10/2016 và các bản khai, ông Ngô T trình bày: Gia đình ông có đất ông cha để lại tại khu đất cửa hàng lương thực cũ, thuộc địa danh Phiêng Phát (Khu BK) thị trấn LB, có gia phả (Văn tự) mua bán viết bằng chữ nho từ năm 1874 niên hiệu Tự Đức thứ 32 của chế độ cũ có thẩm quyền cấp cách đây hơn 140 năm và khẳng định có tên ông cha ông đứng tên chủ hộ trong hồ sơ, tờ bản đồ số 17, 18 và 19 xã LT, huyện L đo vẽ những năm 1964 -1965 làm cơ sở chứng minh đất là của gia đình. Năm 1962, gia đình góp vào Hợp tác xã Nông nghiệp BK. Năm 1964, Hợp tác xã tan rã khu đất Phiêng Phát do Huyện quản lý.

Nay đề nghị Nhà nước trả lại gia đình lấy đất sản xuất, nếu lấy đất để xây dựng các công trình vì lợi ích quốc gia thì phải bồi thường cho gia đình theo quy định.

Ngày 30/4/2013, gia đình ông Ngô T đã có đơn đòi đất gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 27/9/2013, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 3373/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị trả lại đất của ông Ngô T, với nội dung: Bác đơn đề nghị giải quyết trả lại đất và đề nghị bồi thường thiệt hại về đất của ông. Không đồng ý, ông Ngô T có đơn đề ngày 15/11/2013 gửi Chủ tịch UBND huyện L khiếu nại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 27/9/2013; ngày 17/6/2014, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1514/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T với nội dung: Giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết đơn đề nghị trả lại đất canh tác của ông, tại khu Cửa hàng Lương thực (cũ), thuộc Khu BK, thị trấn LB; bác đơn khiếu nại của ông Ngô T. Ngày 25/6/2014, ông Ngô T có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh khiếu nại đối với Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L.

Ngày 09/02/2015, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 217/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L (sau đây gọi tắt là Quyết định số 217/QĐ-UBND).

Không đồng ý với Quyết định số 217/QĐ-UBND ông Ngô T đã khởi kiện ra Tòa yêu cầu hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 9/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Khu đất có địa danh Phiêng Phát nay gọi là khu đất Lương thực, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ địa chính số 65 thị trấn LB, đo vẽ năm 2000, diện

tích 10.845,9 m²; trong Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng là “Công ty Lương thực”. Trước năm 1964, khu đất Lương thực do Hợp tác xã BK, xã LT quản lý, sử dụng (biên bản làm việc ngày 9/11/2012 giữa Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường với các hộ dân trong đó có ông Ngô T); đến khoảng năm 1964-1966 Nhà nước trưng dụng khu đất để xây dựng kho Lương thực do Phòng Lương thực huyện L quản lý, tuy nhiên do thời gian đã lâu không còn hồ sơ, tài liệu lưu trữ (biên bản xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2013 và ngày 17/7/2013); đến năm 1985 khi thành lập Công ty Lương thực Z trực thuộc Sở Lương thực S, khu đất kho Lương thực do Công ty Lương thực Z quản lý, sử dụng đến năm 1987 xây tường rào bằng gạch chỉ xung quanh khu đất. Hiện nay ranh giới phía Bắc, phía Nam, phía Tây của khu đất vẫn còn nguyên tường rào, riêng tường rào phía Đông giáp Quốc lộ 4B đã bị phá do cải tạo nâng cấp Quốc lộ 4B; năm 1990 Công ty Lương thực Z chuyển đổi thành Cửa hàng Lương thực G trực thuộc Công ty Lương thực S, khu đất do Cửa hàng Lương thực G quản lý; năm 2000 do không còn nhu cầu sử dụng đất Công ty Lương thực S đã trả lại toàn bộ khu đất và nhà của Cửa hàng Lương thực G cho UBND tỉnh quản lý, sử dụng diện tích 10.847,8 m² (biên bản làm việc ngày 11/4/2000 giữa UBND huyện L với Công ty Lương thực S). Trên cơ sở đó, UBND huyện L và Sở Địa chính (nay là Sở Tài Nguyên và Môi trường) đã trình UBND tỉnh thu hồi khu đất Cửa hàng Lương thực G giao cho UBND huyện L quản lý, quy hoạch xây dựng trụ sở của các cơ quan (Tờ trình số 127/TT-UB ngày 03/5/2000 của UBND huyện L và Tờ trình số 349/TT-ĐC ngày 04/7/2000 của Sở Địa chính). Ngày 12/7/2000, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND thu hồi khu đất Cửa hàng Lương thực G giao cho UBND huyện L quản lý, quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan.

Khu đất Lương thực Lộc Bình trước năm 1964 là đất do các cơ quan Nhà nước quản lý và sử dụng ổn định đến nay; quá trình làm việc với các cơ quan chức năng ông Ngô T có cung cấp văn khế bằng chữ nho, kèm theo bản dịch công chứng ngày 28/7/2012 để chứng minh khu đất Lương thực có nguồn gốc của gia đình ông, qua kiểm tra các giấy tờ này không xác định được vị trí khu đất trong văn khế đã nêu; đồng thời ông Ngô T không xuất trình được các giấy tờ theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 100 Luật Đất đai để chứng minh quyền sử dụng đất đối với khu đất này.

Khu đất Lương thực Lộc Bình đã do Hợp tác xã BK và nhà nước quản lý sử dụng ổn định đến nay; đối chiếu theo quy định Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì ông Ngô T không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Khu đất Lương thực Lộc Bình đã được Hợp tác xã BK và các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng ổn định từ trước năm 1964 đến nay; Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 10, Luật Đất đai năm 2003; điểm b, c khoản

1, Điều 4, Nghị định 81/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai nay là khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai 2013; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì việc ông Ngô T đề nghị trả lại đất hoặc bồi thường về đất tại khu Lương thực, thị trấn LB, huyện L là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh S xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T và công nhận Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị M có ý kiến: Gia đình ông bà có đất ông cha tại khu P, đề nghị Nhà nước trả lại đất cho gia đình, nếu thu hồi thì phải bồi thường, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S vì đã xâm phạm lợi ích của gia đình Ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện L có ý kiến: Sau khi kiểm tra hồ sơ, tài liệu hiện có của UBND huyện (tại Phòng Tài nguyên và Môi trường) đang lưu giữ không có các tờ bản đồ số 17, 18 và 19 Bản đồ giải thửa xã LT, huyện L được đo vẽ năm 1964-1965 và Sổ mục kê đất năm 1964, mà chỉ có bản scan các tờ bản đồ số 17, 18 và 19 Bản đồ giải thửa xã LT (nay chuyển thành là tờ bản đồ số 11, 05 và 04 bản đồ giải thửa thị trấn LB) tuy nhiên bản đồ không thể hiện ngày tháng năm và cơ quan scan vẽ, cơ quan kiểm tra, thẩm định phê duyệt để đưa vào sử dụng; Sổ mục kê đất lập ngày 26/01/1996 có xác nhận của UBND thị trấn LB.

Kết quả kiểm tra, rà soát thửa đất tại tờ bản đồ số 17 (11) gồm có tổng số 185 thửa với tổng diện tích là 47.326,0 m² đất các loại lúa (1 lúa, 2 lúa, đất màu); thửa đất tại tờ bản đồ số 18 (05) gồm có tổng số 208 thửa với tổng diện tích là 101.998,0 m² đất các loại (1 lúa, 2 lúa, đất màu, ao); thửa đất tại tờ bản đồ số 19 (04) gồm có tổng số 159 thửa với tổng diện tích là 33.645,0 m² đất các loại (1 lúa, 2 lúa, đất màu, ao). Qua kiểm tra đối chiếu giữa Bản đồ giải thửa với Sổ mục kê đất có xác nhận của UBND thị trấn LB ngày 26/01/1996 thì không thể hiện các thửa đất theo ông Ngô T khẳng định có trên các tờ bản đồ, đồng thời cũng không có tên gia đình ông Ngô T trong Sổ mục kê đất.

Từ những kết quả kiểm tra, xác minh về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng khu đất Cửa hàng Lương thực (cũ), thuộc Khu BK, thị trấn LB; quá trình xem xét giải quyết đơn đề nghị, đơn khiếu nại của ông Ngô T, tại các Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện L và chủ tịch UBND tỉnh S, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND huyện L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh S xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông

Ngô T và công nhận quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T, bởi Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L được giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và nội dung Quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh S đã có đơn đề nghị ngày 01/3/2017 và ngày 20/3/2017 đề nghị không tổ chức đối thoại. Vì vậy Tòa án không tiến hành đối thoại được, chỉ tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Kết quả của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo đến các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S quyết định: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T về hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 9/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô T, trú tại số 01, khối 6, đường LDH, phường ĐK, thành phố S (lần hai) vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2017, người khởi kiện ông Ngô T có đơn kháng cáo và các ngày 06/6/2017, 16/7/2017 có đơn kháng cáo bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T đối với quyết định 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên không thống nhất được về giải quyết vụ án; không cung cấp thêm tài liệu mới. Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh S căn cứ vào các quy định của pháp luật ban hành Quyết định 2606/QĐ-UBND ngày 7/11/2014 về việc giải quyết khiếu nại đòi đất của ông Ngô T là đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung. Việc ông Ngô T yêu cầu hủy quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh S là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về đường lối giải quyết vụ án: Nội dung kháng cáo của ông Ngô T là không có căn cứ; Quyết định 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền và nội dung. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết khiếu nại kéo dài là không đúng quy định của pháp luật, nhưng xét thấy sai sót này không ảnh hưởng đến hiệu lực của Quyết định và cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Ngô T; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T. Tòa án nhân dân tỉnh S thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ngô T có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt ông Lý Q, là đại diện của người bị kiện theo ủy quyền, nhưng ông Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Q.

Về nội dung kháng cáo của ông Ngô T:

[4] Ông Ngô T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S là không có căn cứ. Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Về trình tự, thủ tục, Thẩm quyền ban hành quyết định: Ngày 30/4/2013, ông Ngô T có đơn gửi đến UBND tỉnh S đòi lại diện tích đất canh tác tại khu cửa hàng lương thực (cũ), thuộc Khu BK, thị trấn LB, tỉnh S . Ngày 27/9/2013, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 3373/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị trả lại đất của ông Ngô T với nội dung: Bác đơn đề nghị trả lại đất và đề nghị đòi bồi thường thiệt hại của ông T . Ông T không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên nên có đơn khiếu nại

đến Chủ tịch UBND huyện L. Ngày 17/6/2014, Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định số 1514/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 3373/QĐ-UBND nêu trên. Ngày 25/6/2014, ông Ngô T có đơn khiếu nại Quyết định 3373/QĐ-UBND nêu trên. Ngày 09/02/2015, Chủ tịch UBND tỉnh S đã căn cứ vào kết quả xác minh của Sở tài nguyên và môi trường để ban hành Quyết định số 217/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1514/QĐ-UBND nêu trên.

[6] Như vậy, về thẩm quyền ban hành của Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S là phù hợp với quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, khoản 2 Điều 21 Luật giải quyết khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh S kéo dài so với quy định của pháp luật nhưng sai sót này không ảnh hưởng đến hiệu lực của quyết định. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã nhận xét rút kinh nghiệm.

[7] Về nội dung của Quyết định 217/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S : Ông Ngô T đề nghị trả lại cho gia đình ông khu đất có địa danh P, nay gọi là khu đất Lương thực, thuộc thửa đất số 125, tờ Bản đồ địa chính số 05 Thị trấn LB, đo vẽ năm 2000, diện tích 10.854,9m². Ông T xuất trình văn khế ước bằng chữ nho, kèm bản dịch cho rằng toàn bộ khu đất nêu trên có nguồn gốc của gia tộc để lại, nhưng không xác định được vị trí khu đất trong văn khế ước và ông T cũng không xuất trình được các giấy tờ theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, cũng như Điều 100 Luật đất đai năm 2013 để chứng minh quyền sử dụng khu đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô T đề nghị kiểm tra bản đồ giải thửa số 17,18,19 xã LT, huyện L đo vẽ những năm 1964-1965 vì cho rằng khu đất ông đề nghị giải quyết được thể hiện trên các tờ bản đồ này. Tài liệu thu thập được thể hiện: Tài liệu hiện có của UBND huyện (tại Phòng Tài nguyên và Môi trường) đang lưu giữ không có các tờ bản đồ số 17, 18 và 19 Bản đồ giải thửa xã LT, huyện L được đo vẽ năm 1964-1965 và Sổ mục kê đất năm 1964, mà chỉ có bản scan các tờ bản đồ số 17,18 và 19 Bản đồ giải thửa xã LT (nay chuyển thành là tờ bản đồ số 11,05 và 04 bản đồ giải thửa thị trấn LB) tuy nhiên bản đồ không thể hiện ngày tháng năm và cơ quan scan vẽ, cơ quan kiểm tra, thẩm định phê duyệt để đưa vào sử dụng. Thực tế khu đất này trước năm 1964 do Hợp tác xã BK, xã LT quản lý, sử dụng; đến khoảng năm 1964-1966 Nhà nước trưng dụng khu đất để xây dựng kho Lương thực do Phòng Lương thực huyện L quản lý. Do thời gian đã lâu không còn hồ sơ, tài liệu lưu trữ (biên bản xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2013 và ngày 17/7/2013); đến năm 1985 khi thành lập Công ty Lương thực Z trực thuộc Sở Lương thực S , khu đất kho Lương thực do Công ty Lương thực Z quản lý, sử dụng đến năm 1987 xây tường rào bằng gạch chỉ xung quanh khu đất. Hiện nay ranh giới phía Bắc, phía Nam, phía Tây của khu đất vẫn còn nguyên

tường rào, riêng tường rào phía Đông giáp Quốc lộ 4B đã bị phá do cải tạo nâng cấp Quốc lộ 4B; năm 1990 Công ty Lương thực Z chuyển đổi thành Cửa hàng Lương thực G trực thuộc Công ty Lương thực S khu đất do Cửa hàng Lương thực G quản lý; năm 2000 do không còn nhu cầu sử dụng đất, Công ty Lương thực S đã trả lại toàn bộ khu đất và nhà của Cửa hàng Lương thực G cho UBND tỉnh quản lý, sử dụng diện tích 10.847,8 m² (biên bản làm việc ngày 11/4/2000 giữa UBND huyện L với Công ty Lương thực S). Trên cơ sở đó, UBND huyện L và Sở Địa chính (nay là Sở Tài Nguyên và Môi trường) đã trình UBND tỉnh thu hồi khu đất Cửa hàng Lương thực G giao cho UBND huyện L quản lý, quy hoạch xây dựng trụ sở của các cơ quan (Tờ trình số 127/TT-UB ngày 03/5/2000 của UBND huyện L và Tờ trình số 349/TT-ĐC ngày 04/7/2000 của Sở Địa chính). Ngày 12/7/2000, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND thu hồi khu đất Cửa hàng Lương thực G giao cho UBND huyện L quản lý, quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan.

[8] Như vậy, Khu đất Lương thực Z đã được Hợp tác xã BK sau đó là các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng ổn định từ trước năm 1964 đến nay như đã nêu trên. Nhà nước trưng dụng khu đất để xây dựng kho Lương thực do Phòng Lương thực huyện L quản lý là thực hiện chính sách đất đai, hoàn toàn phù hợp với quy định tại thời điểm đó, thể hiện rõ là Nhà nước đã quản lý khu đất BK từ khoảng năm 1964-1966 cho đến nay.

[9] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003; Khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối chiếu theo quy định Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì ông Ngô T không đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Ông Ngô T không có các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của gia đình theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 10, Luật Đất đai năm 2003; điểm b, c khoản 1, Điều 4, Nghị định 81/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai nay là khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì việc ông Ngô T đề nghị trả lại đất hoặc bồi thường về đất tại khu Lương thực, thị trấn LB, huyện L là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô T là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết khiếu nại lần 2 đã được UBND tỉnh điều tra xác minh làm rõ

nguồn gốc khu đất gia đình ông Ngô T yêu cầu Nhà nước trả lại là không có căn cứ pháp luật vì vậy nội dung của Quyết định 217/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai là có căn cứ pháp luật.

[10] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định 217/QĐ-UBND ngày 9/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S được ban hành có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T yêu cầu hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Ngô T; cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa.

[11] Quyết định của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông Ngô T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 5 Điều 26, Điều 75, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Ngô T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh S , cụ thể như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T về hủy Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 9/2/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô T, trú tại số 01, khối 6, đường LĐH, phường ĐK, thành phố S (lần hai) vì không có căn cứ pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Ngô T đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh S theo Biên lai số AA/2012/04169 ngày 13/6/2017.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

Đã ký

Phan Thị Vân Hương Nguyễn Hải Thanh

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn ;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn ;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ;
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền